

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 01 – 2026

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2025/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 487/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096190003386, ngày cấp 12/9/2022.

Địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096086005888, ngày cấp 10/8/2021.

Địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2025 nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Minh Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã C, tỉnh Cà Mau). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp, không

tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Minh Q, sinh ngày 12/6/2010. Hiện con chung đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/9/2025: Bà Lê Thị T vẫn giữ quan điểm khởi kiện và yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Huỳnh Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh Minh Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Huỳnh Minh Đ cư trú tại ấp C, xã C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Huỳnh Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Minh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2008 ngày 20/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã C, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, bất đồng ý kiến và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Ông Đ không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Từ đó cho thấy, ông Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn của bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của

bà T, cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Minh Q, sinh ngày 12/6/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 03/9/2025 của con chung Huỳnh Minh Q có nguyện vọng sống với mẹ và bà T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Đ không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của con chung căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Minh Đ.

Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Huỳnh Minh Q, sinh ngày 12/6/2010 cho bà Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Minh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Lê Thị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà Lê Thị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005123 ngày 21 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau;
- (Giấy CNKH số 17 ngày 20/02/2008)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như